

Bản án số: **37/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Ông Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thu L**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh V**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:* Bà và ông Lê Thanh V chung sống với nhau năm 2003, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Vũ ham C, tham gia vào các tệ nạn xã hội như đá gà, đánh bài, không chăm lo cuộc

sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì thương con nên tôi cố gắng nhẫn nhịn nhưng ông V vẫn không thay đổi tính tình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau.

Về con: Vợ chồng có 03 đứa con chung tên Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005; Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Lê Thanh V.

- Về con: Giao 02 con chung Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con cùng ông V sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005 hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Lê Thanh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể

nếu không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thu L ly hôn ông Lê Thanh V; về con, giao 02 con chung Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con cùng ông V sau khi vợ chồng ly hôn, đối với Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005 hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên đề nghị không xem xét; tài sản chung và về nợ chung, không có, không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

.NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Võ Văn L1. Sau đó, Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án, nhưng bị đơn ông V vắng mặt không lý do nên phải hoãn phiên tòa, đồng thời quyết định hoãn phiên tòa cũng đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng, nhưng bị đơn ông Lê Thanh V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà L và bị đơn ông V theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu L và ông Lê Thanh V tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà L thấy rằng: Theo bà L trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do

vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc ông V tham gia vào các tệ nạn xã hội, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nhiều không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn cương quyết ly hôn với ông V. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cho đến tại phiên tòa hôm nay, ông V không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo bà L xác định vợ chồng có 03 đứa con chung tên Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005; Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015. Bà L yêu cầu giao 02 con chung Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con cùng ông V sau khi vợ chồng ly hôn; đối với Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005 hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho ông V, nhưng ông V vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của bà L nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cũng đã có ý kiến bằng văn bản sau khi cha mẹ (bà L, ông V) ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha; đối với cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 Tòa án đã tiến hành các thủ tục để lấy lời khai của cháu, nhưng không thể lấy lời khai được do hiện không có mặt ở địa phương (bút lục số 28). Do ông V vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì về việc yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con cùng ông. Vì vậy, cần giao cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Lê Minh M, sinh ngày 29/5/2005 hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được và các đương sự không tranh chấp, yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo bà L, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ

vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà L về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông V biết, nhưng đến nay ông V không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà L và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà L, ông V) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thu L ly hôn ông Lê Thanh V.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Bích N, sinh ngày 16/4/2009 và Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 12/11/2015 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con cùng ông V sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002387 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Tân Thuận;
- Lưu (HSVA, VPTA).

Phạm Thị Mỹ Linh